Trường Đại học Bách Khoa
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

106 Nhà A5 - Trường ĐH Bách Khoa, 268 Lý Thường Kiệt, F. 14, Q. 10, Tp.HCM

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 19/08/2018 - Giờ thi: 08:00

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							Win+PPT	Word	Excel	TB		
1	BKCB2801	Phạm Lâm Duy	Anh	22/11/1994	TP.HCM	7	8	8,0	9,0	8,33	Đạt	
2	BKCB2802	Đỗ Hoàng	Châu	24/02/1994	TP.HCM	7,00	7	8	8,0	7,5	Đạt	
3	BKCB2803	Lê Đại	Chiến	12/3/1994	Đăk Lăk	7	8	9,0	9,5	8,83	Đạt	
4	BKCB2804	Ngô Hoàng	Chương	1/12/1997	Tiền Giang	8,00	8,5	6,5	3,0	6	Đạt	
5	BKCB2805	Nguyễn Duy Việt	Cường	30/5/1996	Kiên Giang	9,00	8,0	8,5	9,5	8,67	Đạt	
6	BKCB2806	Võ Thị Thanh	Diễm	6/10/1996	Quảng Ngãi	7,33	8,5	3,5	3	5	Đạt	
7	BKCB2807	Mai Thị Ngọc	Điệp	16/12/1996	Quảng Ngãi	6,33	8,0	5,5	5,0	6,17	Đạt	
8	BKCB2808	Lý Quang	Diệu	6/3/1996	Kiên Giang	8,00	8,0	9,0	7,0	8	Đạt	
9	BKCB2809	Phan	Duẫn	8/11/1994	Quảng Trị	8,00	7,5	6	5,0	6	Đạt	
10	BKCB2810	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15/10/1995	TP.HCM	7,67	8,0	6,0	5,0	6,33	Đạt	
11	BKCB2811	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	10/8/1992	TP.HCM	9,33	6,0	7,5	6,0	6,5	Đạt	
12	BKCB2812	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/5/1996	Quảng Ngãi	8,00	5,0	1,5	4,0	3,5	Không đạt	
13	BKCB2813	Hoàng Thanh	Hải	26/02/1998	Đăk Lăk	6,67	5,0	3,0	1,0	3	Không đạt	
14	BKCB2814	Nguyễn Thanh	Hoan	16/9/1992	Bình Định	7,67	9,0	5,5	6,0	6,83	Đạt	
15	BKCB2815	Đoàn Vũ	Hưng	26/7/1994	à Rịa - Vũng Tà	9,33	8,0	9,0	9,5	8,83	Đạt	
16	BKCB2816	Đỗ Ngọc Thanh	Hương	22/5/1996	Đồng Nai	8,67	8,5	7,0	7,0	7,5	Đạt	
17	BKCB2817	Trương Thị Mai	Hương	18/7/1983	TP.HCM	8,00	8,5	8,0	4,0	6,83	Đạt	
18	BKCB2818	Cao Quang	Huy	23/01/1994	Bình Thuận	9,33	8,0	8,5	8,5	8,33	Đạt	
19	BKCB2819	Nguyễn Hồ Đức	Huy	15/11/2003	TP.HCM	8,00	8,0	9,0	8,5	8,5	Đạt	
20	BKCB2820	Nguyễn Hoàng	Huy	22/10/1997	TP.HCM	9,00	7,0	6,0	9,0	7,33	Đạt	
21	BKCB2821	Nguyễn Lê Thúy	Huỳnh	15/11/2003	Long An	8,67	7,0	8,5	8,5	8	Đạt	
22	BKCB2822	Nguyễn Phú Duy	Khang	3/9/2002	TP.HCM	8,33	9,0	9,0	6,5	8,17	Đạt	
23	BKCB2823	Nguyễn Đăng	Khoa	18/10/1993	TP.HCM	9,00	8,0	5,5	5,0	6,17	Đạt	
24	BKCB2824	Đặng Thị Yến	LiL	27/5/1986	Vĩnh Long	9,33	7,0	8,0	8,0	7,67	Đạt	
25	BKCB2825	Lý Thị Mỹ	Linh	24/10/1993	Đăk Lăk	8,00	7,5	5,5	7,0	6,67	Đạt	
26	BKCB2826	Vương Thông	Mẫn	2/3/1996	An Giang	7,67	8,5	6,5	6,5	7,17	Đạt	
27	BKCB2827	Hàng Trầm	Minh	29/4/1995	Ninh Thuận	9,33	8,5	9,0	9,0	8,83	Đạt	
28	BKCB2828	Ngô Bá Ngọc	Minh	1/11/1994	à Rịa - Vũng Tà	10,00	8,0	9,5	7,5	8,33	Đạt	
29	BKCB2829	Nguyễn Ngọc Uyển	My	3/12/1997	TP.HCM	4,00	2,0	8,0	1,0	3,67	Không đạt	ko PP
30	BKCB2830	Vũ Thị	Nga	1/10/1995	Nghệ An	7,00	7,5	6,5	9,0	7,67	Đạt	
31	BKCB2831	Đỗ Thị Thu	Ngân	25/9/1995	Quảng Ngãi	7,67	9,0	7,0	3,0	6,33	Đạt	
32	BKCB2832	Huỳnh Khánh	Ngân	18/6/1996	Lâm Đồng	5,33	7,5	8,5	5,0	7	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							Win+PPT	Word	Excel	TB		
33	BKCB2833	Mai Ngọc Tuyết	Ngân	15/4/1997	TP.HCM	8,00	9,0	9,0	9,5	9,17	Đạt	
34	BKCB2834	Lê	Nguyên	16/01/1993	Bình Dương	9,33	8,5	7,5	6,5	7,5	Đạt	
35	BKCB2835	Đoàn Thị Tuyết	Nhi	4/8/1997	TP.HCM	7,33	6,5	6,0	4,0	5,5	Đạt	
36	BKCB2836	Nguyễn Thị Ý	Nhi	15/1/1996	à Rịa - Vũng Tà	3,67	4,0	6,5	3,5	4,67	Không đạt	
37	BKCB2837	Trần Thị	Nhung	30/5/1987	Thanh Hóa	8,33	9,0	8,0	9,0	8,67	Đạt	
38	BKCB2838	Ka	Nhừs	3/5/1992	Lâm Đồng	8,00	4,5	6,5	6,0	5,67	Đạt	
39	BKCB2839	Vương Ngọc Hoàng	Oanh	25/8/1996	TP.HCM	7,00	6,5	6,5	2,0	5	Không đạt	
40	BKCB2840	Lê Nguyên Gia	Phúc	13/12/1990	TP.HCM	8,67	7,0	8,0	3,0	6	Đạt	
41	BKCB2841	Phan Minh	Phúc	22/7/1994	TP.HCM	6,67	8,5	8,0	9,5	8,67	Đạt	
42	BKCB2842	Trương Thị Thanh	Phương	14/7/1998	TP.HCM	9,00	7,5	8,0	8,5	8	Đạt	
43	BKCB2843	Phạm Minh	Quí	9/5/1998	Bình Dương	5,67	5,0	2,5	1,5	3	Không đạt	
44	BKCB2844	Diệp Thoại	Quyên	30/9/2003	TP.HCM	6,33	6,5	7,0	7,0	6,83	Đạt	
45	BKCB2845	Trương Thị Duy	Quyên	6/10/1997	An Giang	3,67	3,5	2,0	1,0	2,17	Không đạt	
46	BKCB2846	Lương Đoàn	Risa	12/7/2005	TP.HCM	7,33	7,5	5,0	5,5	6	Đạt	
47	BKCB2847	Nguyễn Tấn	Tài	14/9/2004	Long An	7,67	6,5	8,0	6,5	7	Đạt	
48	BKCB2848	Trần Minh	Thạch	27/01/1996	Long An	9,67	9,0	7,0	8,0	8	Đạt	
49	BKCB2849	Lê Đoàn	Thắng	5/10/2003	TP.HCM	8,33	7,5	7,5	8,0	7,67	Đạt	
50	BKCB2850	Phan Nguyễn Hiếu	Thảo	23/6/1995	Kiên Giang	7,00	6,5	6,5	5,5	6,17	Đạt	
51	BKCB2851	Vũ Minh	Thiện	28/8/1977	Nam Định	8,67	8,0	9,0	8,5	8,5	Đạt	
52	BKCB2852	Huỳnh Minh	Thông	08/01/1987	TP.HCM	7,33	8,0	8,0	7,0	7,67	Đạt	
53	BKCB2853	Phan Ngọc Minh	Thu	31/7/2002	TP.HCM	7,33	7,5	7,5	7,5	7,5	Đạt	
54	BKCB2854	Dương Anh	Thy	10/10/1994	Bình Dương	9,33	5,0	7,0	9,5	7,17	Đạt	
55	BKCB2855	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	7/6/1995	Vĩnh Long	7,00	3,5	4,5	2,0	3,33	Không đạt	
56	BKCB2856	Hoàng Quốc	Tính	3/9/1997	Bình Thuận	6,33	8,0	8,5	7,0	7,83	Đạt	
57	BKCB2857	Tạ Mai	Trâm	24/01/1995	TP.HCM	8,33	8,0	6,0	5,5	6,5	Đạt	
58	BKCB2858	Phạm Thảo	Trang	30/6/1993	TP.HCM	10,00	7,0	7,5	5,5	6,67	Đạt	
59	BKCB2859	Bùi Quang	Trí	30/4/1994	Gia Lai	9,33	9,0	8,5	10,0	9,17	Đạt	
60	BKCB2860	Phạm Minh	Trí	16/9/1996	Nam Định	7,67	9,0	7,0	1,0	5,67	Không đạt	
61	BKCB2861	Trần Thị Tú	Trinh	4/12/1996	Ninh Thuận	8,33	7,0	5,0	3,5	5,17	Đạt	
62	BKCB2862	Nguyễn Xuân	Trúc	5/2/1998	Tiền Giang	6,67	7,5	3,5	5,0	5,33	Đạt	
63	BKCB2863	Đỗ Quang	Trung	2/3/1993	Phú Yên	8,00	3,5	4,0	3,5	3,67	Không đạt	
64	BKCB2864	Dương Đoàn Minh	Trung	12/6/1995	TP.HCM	7,67	8,5	8,5	8,0	8,33	Đạt	
65	BKCB2865	Diệp Lê	Tuấn	5/3/1994	TP.HCM	9,33	8,5	8,0	9,5	8,67	Đạt	
66	BKCB2866	Trần Hữu	Tuấn	10/6/1995	Bình Thuận	6,00	4,0	4,0	5,0	4,33	Không đạt	
67	BKCB2867	Nguyễn Thị Hồng	Viên	10/10/1990	Bình Định	6,67	8,0	5,0	5,0	6	Đạt	
68	BKCB2868	Phan Ngọc	Vinh	20/4/1997	à Rịa - Vũng Tà	9,00	6,0	3,0	3,5	4,17	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							Win+PPT	Word	Excel	TB		
69	BKCB2869	Nguyễn Đoàn Thị Xuâ	Xuân	01/01/1995	Đồng Nai	9,33	9,0	9,5	8,5	9	Đạt	
70	BKCB2870	Trần Thị Thanh	Xuân	12/3/1997	Đồng Nai	6,33	7,5	7	4,0	6,17	Đạt	

Ghi chú: *Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm trung bình (TB) >=5 (yêu cầu các điểm thành phần >=3)*

Số lượng thí sinh: **70** **Số thí sinh đạt:** **58**

Số lượng hiện diện: **70**

Chủ Tịch Hội Đồng **Lập bảng**

PGS. TS Thoại Nam **Ngô Quang Nhựt**